

**TỔNG CỤC THUẾ  
CỤC THUẾ TỈNH HOÀ BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3950 /CTHBI-TTKT1  
V/v trả lời đơn khiếu nại.

Hòa Bình, ngày 16 tháng 8 năm 2022

Kính gửi: Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình  
Mã số thuế: 5400227011  
Địa chỉ: Xã Thống Nhất, thành phố Hòa Bình,  
tỉnh Hòa Bình.  
Văn phòng đại diện tại Hà Nội: 143 Láng Hạ,  
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Cục Thuế tỉnh Hòa Bình nhận được đơn khiếu nại số 16/KN-2022/KHB ngày 23/7/2022 của Công ty Cổ phần khoáng sản Hòa Bình, khiếu nại về việc xử lý xuất hóa đơn VAT không, đồng thời đề nghị làm rõ số tiền thuế mà Công ty còn nợ chưa nộp NSNN. Về vấn đề này, Cục Thuế có ý kiến như sau:

**1. Về số tiền thuế Công ty nợ NSNN:**

Căn cứ số liệu trên hồ sơ kê khai thuế, quyết toán thuế Công ty Cổ phần khoáng sản Hòa Bình (sau đây gọi tắt là Công ty KHB) gửi cơ quan thuế, tính đến ngày 15/8/2022 tổng số tiền thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp tiền thuế Công ty còn nợ NSNN theo dõi trên hệ thống quản lý thuế TMS của cơ quan thuế đã được khoan nợ theo Quyết định số 3394/QĐ-CTHBI ngày 08/7/2022 của Cục Thuế tỉnh Hòa Bình là 10.980.747.105 đồng.

Qua truy xuất nguồn gốc các khoản tiền thuế nợ, tiền phạt và tiền chậm nộp của Công ty, thể hiện trên hệ thống quản lý thuế tập trung của cơ quan thuế nhận thấy hầu hết các khoản tiền thuế nợ đọng đều phát sinh trước thời điểm quý II/2014 (trước khi xảy ra các hành vi có dấu hiệu mua, bán hóa đơn không theo phản ánh của Công ty), cụ thể: Tổng số tiền thuế nợ, tiền phạt, tiền chậm nộp tiền thuế của Công ty ghi nhận tại thời điểm 31/12/2013 là 5.021.606.138 đồng. Do số tiền thuế nợ đọng lớn và kéo dài, hàng năm lại phải tính cộng thêm tiền chậm nộp nên đến nay tổng các khoản nợ đã là 10.980.747.105 đồng (*Chi tiết số tiền thuế nợ, tiền phạt, tiền chậm nộp qua các thời kỳ theo Phụ lục 01 đính kèm*).

Trong đơn khiếu nại, Công ty có nêu thời điểm từ quý II/2014 đến quý II/2016 Công ty có dấu hiệu xuất hóa đơn VAT không (không có hàng hóa), từ đó làm phát sinh số tiền thuế nợ. Vấn đề này Cục Thuế đã tiến hành rà soát số liệu do Công ty cung cấp và xác định: Kể cả trong trường hợp có hành vi mua, bán hàng hóa không, nếu tổng giá trị hàng hóa mua vào theo hóa đơn là 198.630.173.357 đồng và tổng giá trị hàng xuất bán ghi trên hóa đơn là 191.875.619.157 đồng, thì cũng không làm phát sinh số tiền thuế phải nộp (vì giá trị hàng hóa mua vào lớn hơn bán ra nên chỉ làm tăng số thuế giá trị gia tăng đầu

vào được khấu trừ 675.455.725 đồng, tăng giá trị hàng tồn kho hoặc tăng lỗ - Chi tiết theo Phụ lục 02 đính kèm). Do vậy, việc Công ty phản ánh hành vi xuất hóa đơn VAT không dẫn đến làm phát sinh nợ thuế là không có cơ sở.

**2. Về kiến nghị thanh tra, kiểm tra để xử lý dấu hiệu mua, bán khống hóa đơn GTGT:**

Năm 2016, Cục Thuế đã ban hành quyết định số 5236/QĐ-CT ngày 24/11/2016 về việc thanh tra in, phát hành, quản lý và sử dụng hóa đơn tại Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình. Qua thanh tra phát hiện Công ty có dấu hiệu vi phạm pháp luật về hóa đơn nên đã chuyển hồ sơ sang cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh để thụ lý giải quyết. Đến nay, Cục Thuế chưa nhận được kết quả điều tra từ phía cơ quan Công an. Mặt khác, hiện tại Công ty KHB đã bị thu hồi Đăng ký kinh doanh, đóng cửa mã số thuế, do vậy Cục Thuế không có cơ sở để thực hiện thanh tra, kiểm tra tại doanh nghiệp.

Trường hợp Công ty KHB có bằng chứng, tài liệu chứng minh về hành vi mua, bán hóa đơn bất hợp pháp thì đề nghị Công ty cung cấp cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh để phục vụ công tác điều tra và xử lý theo quy định của pháp luật.

Cục Thuế trả lời đề Công ty Cổ phần khoáng sản Hòa Bình được biết và thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Cục trưởng, các Phó Cục trưởng;
- Phòng KTNB;
- Lưu: VT, TTKT1 ( bản).

**KT. CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



**Nguyễn Anh Tuấn**

**TỔNG CỤC THUẾ**  
**CỤC THUẾ TỈNH HÒA BÌNH**

Phụ lục 01

**BIỂU CHI TIẾT SỐ TIỀN THUẾ, TIỀN PHÁT, TIỀN CHẠM NỢ TIỀN THUẾ NỢ QUA CÁC THỜI KỲ**  
(Kèm theo Công văn số: /CTHBI-TTKT1 ngày tháng năm của Cục Thuế tỉnh Hòa Bình)

*Đơn vị tiền: đồng*

TT	Nội dung	Tiêu mục	Số tiền thuế nợ đến thời điểm 31/12/2013	Số tiền thuế nợ đến thời điểm 31/12/2014	Số tiền thuế nợ đến thời điểm 31/12/2015	Số tiền thuế nợ đến thời điểm 31/12/2016	Số tiền nợ đến thời điểm khoanh nợ theo QĐ số 3394/QĐ-CTHBI ngày 8/7/2022	Ghi chú
1	Thuế thu nhập cá nhân - khấu trừ	1001	138,972,619	134,034,566	134,034,566	134,034,566	134,034,566	
2	Thuế thu nhập cá nhân - khấu trừ	1003		4,938,053	4,938,053	4,938,053	4,938,053	
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1052	2,530,934,680	2,538,907,092	2,108,907,092	2,282,209,785	2,343,289,502	
4	Thuế tài nguyên	1555	1,215,785,000	1,273,251,700	1,273,251,700	1,273,251,700	1,273,251,700	
5	Thuế giá trị gia tăng	1701	679,356,281	966,453,891	966,453,891	866,453,891	944,124,436	
6	Thuế môn bài	1804	2,000,000					
7	Phí bảo vệ môi trường	2625	24,857,248	24,907,248	24,907,248	24,907,248	24,907,248	
8	Phí Môn Bài	2862					1,000,000	
9	Phí Môn Bài	2864					18,000,000	
10	Tiền thuế đất	3601	34,151,100	136,604,400	204,906,600	273,208,800	360,084,126	
11	Phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế	4254	395,549,210	172,528,019	172,528,019	174,628,019	185,827,488	
12	Tiền chậm nộp do chậm thi hành quyết định hành chính	4272			35,797,593	67,488,872	245,247,370	
13	Tiền chậm nộp thuế TNCN	4917			85,442,344	106,621,771	187,795,662	
14	Tiền chậm nộp thuế TNDN	4918					2,259,925,992	
15	Tiền chậm nộp thuế tài nguyên khác còn lại	4927					1,207,468,829	
16	Tiền chậm nộp thuế GTGT	4931					919,934,468	
17	Tiền chậm nộp các khoản khác điều tiết 100% NSTW	4943					584,451,561	
18	Tiền chậm nộp các khoản khác điều tiết 100% NSDP	4944					274,737,039	
19	Tiền chậm nộp tiền thuế	4911		502,963,381	1,642,315,000	2,360,862,873		
20	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1603						
	<b>Tổng cộng</b>		<b>5,021,606,138</b>	<b>5,774,588,350</b>	<b>6,653,482,106</b>	<b>7,568,605,578</b>	<b>10,980,747,105</b>	

**TỔNG CỤC THUẾ**  
**CỤC THUẾ TỈNH HÒA BÌNH**

Phụ lục 02

**BIỂU CHI TIẾT CHÉNH LỆCH GIÁ TRỊ HÀNG HÓA VÀ TIỀN THUẾ GTGT MUA VÀO, BÁN RA**  
(Kèm theo Công văn số: /CTHBJ-TTKT1 ngày tháng năm của Cục Thuế tỉnh Hòa Bình)

Đơn vị tiền: đồng

STT	Nội dung	Tổng giá trị hóa đơn mua vào		Tổng giá trị hóa đơn bán ra		Chênh lệch	
		Giá trị HHDV mua vào chưa có thuế GTGT	Thuế GTGT các hóa đơn mua vào	Giá trị HHDV bán ra chưa có thuế GTGT	Thuế GTGT các hóa đơn bán ra	Giá trị HHDV	Thuế GTGT
1	2	3	4	5	6	7=3-5	8=4-6
1	Năm 2014	56,828,332,044	5,682,833,210	45,103,636,140	4,510,363,614	11,724,695,904	1,172,469,596
2	Năm 2015	75,900,019,104	7,590,001,910	79,415,337,562	7,941,533,756	(3,515,318,458)	(351,531,846)
3	Năm 2016	65,901,822,209	6,590,182,221	67,356,645,455	6,735,664,546	(1,454,823,246)	(145,482,325)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>198,630,173,357</b>	<b>19,863,017,341</b>	<b>191,875,619,157</b>	<b>19,187,561,916</b>	<b>6,754,554,200</b>	<b>675,455,425</b>